TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3147/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Quốc Hưng

2. Bà Phạm Thị Ngọc Dưỡng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/8/2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 792/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3639/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4422/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bích Việt T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Tr vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai đề ngày 08/5/2023, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được, ông Nguyễn Bích Việt T là nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Bích Việt T và bà Nguyễn Thị Tr lấy nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 200 quyển số hai, đăng ký ngày 31/12/2008 do Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quá trình chung sống ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, bất hòa, xô xát. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khác biệt về tính cách, hôn nhân không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Đến ngày 12/11/2021 bà Tr đã bỏ nhà đi và đến thời điểm hiện nay vẫn chưa một lần về thăm nom, chăm sóc con. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tr để ông ổn định cuộc sống lo cho con cái.

Về con chung: Ông T và bà Tr có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Bích Bảo Nam, giới tính nam, sinh ngày 13/6/2009 và Nguyễn Bích Bảo Như, giới tính nữ, sinh ngày 08/7/2015. Ông Nguyễn Bích Việt T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung, không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị Tr mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lên Tòa để trình bày ý kiến, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không đến, cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn là ông Nguyễn Bích Việt T có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Tr vắng mặt không có lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ông T được ly hôn với bà Tr và giao hai con chung cho ông T

trực tiếp nuôi dưỡng, không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con do ông T không có yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ông T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Tr. Đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả xác minh của Công an phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Tr thực tế có cư ngụ tại địa chỉ số 989/6/2/1 Tỉnh lộ 43, khu phố 2, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 200 quyển số hai, đăng ký ngày 31/12/2008 do Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa ông T và bà Tr là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; ông T có yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 175, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr, ông T.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hôn nhân: Ông T có yêu cầu ly hôn với bà Tr. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo ông T trình bày cuộc sống vợ chồng giữa ông và bà Tr có nhiều mâu thuẫn, cãi vã, bất hòa, xô xát. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khác biệt về tính cách, hôn nhân không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Đến ngày 12/11/2021 bà Tr đã bỏ nhà đi và đến thời điểm hiện nay. Theo kết quả xác minh, Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh không rõ về mâu thuẫn gia đình của vợ chồng ông T, bà Tr. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Tr đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà Tr không đến, cũng không có ý kiến gì gửi cho Tòa, chứng tỏ bà Tr thiếu thiện chí trong việc mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của ông T và bà Tr không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[3.2] Về con chung: Ông T và bà Tr có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Bích Bảo Nam, giới tính nam, sinh ngày 13/6/2009 và Nguyễn Bích Bảo Như, giới tính nữ, sinh ngày 08/7/2015, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Hội đồng xét thấy hai con trẻ hiện nay đều đang được ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Tr đã bỏ đi khỏi nhà từ năm 2021 cho đến nay và không có yêu cầu được nuôi dưỡng con trẻ trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, việc giao hai trẻ nêu trên cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết và đảm bảo sự phát triển ổn định của các trẻ. Ngoài ra cũng phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ Nguyễn Bích Bảo Nam và Nguyễn Bích Bảo Như là được ở với cha trong trường hợp ông T, bà Tr ly hôn.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai không có, bà Tr vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì nguyên đơn là ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được cấn trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội (kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Bích Việt T:*

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Bích Việt T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tr.

Giấy chứng nhận kết hôn số 200 quyển số hai, đăng ký ngày 31/12/2008 do Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Bích Việt T và bà Nguyễn Thị Tr không còn giá trị pháp lý từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Bích Bảo Nam, giới tính nam, sinh ngày 13/6/2009 và Nguyễn Bích Bảo Như, giới tính nữ, sinh ngày 08/7/2015 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; Bà Tr không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con.

Bà Tr được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông T và gia đình không được cản trở bà Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai nhận không có. Trường hợp bà Tr có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác;

2. *Về án phí:*

Ông Nguyễn Bích Việt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng, được cấn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng mà ông T đã nộp theo biên lai số 0002697 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T không phải nộp thêm án phí.

3. *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương